TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:88/2025/HS-ST
Ngày 13-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực;

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*: Ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Võ Thị T; sinh năm 1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số B T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T1 (đã chết) và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1966; bị cáo không còn quan hệ hôn nhân với ai; có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án:

- Ngày 18/05/2011: Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 76/2011/HSST.

- Ngày 05/02/2013: Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, đồng thời tổng hợp hình phạt của Bản án số 76/2011/HSST ngày 18/05/2011 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh buộc chấp hành hình phạt chung là 02 năm 03 tháng tù, theo Bản án số 25/2013/HSST ngày 05/02/2013; bị cáo đã nộp án phí ngày 15/4/2014.

- Ngày 27/08/2013: Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đồng thời tổng hợp hình phạt của Bản án số 25/2013/HSST ngày 05/02/2013 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh buộc Võ Thị T chấp hành hình phạt chung là 03 năm 09 tháng tù, theo Bản án số 135/2013/HSST ngày 27/8/2013; bị cáo nộp án phí ngày 10/5/2015, nộp tiền thu lợi bất chính 500.000 đồng, còn số tiền 2.900.000 đồng và số tiền lãi chậm nộp là 3.297.986 đồng nộp vào ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Võ Thị T chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2016 tại Trại giam T5, tỉnh Bình Thuận.

Tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 12/8/2024, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Xuân H1 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng và dịch vụ cầm đồ Kim C; địa chỉ: Khu phố B, phường A, D, Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Quang T2, sinh năm 1984; địa chỉ: số G Quốc lộ A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Phạm Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: 3 đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị T và Phạm Thị Khánh V là bạn bè với nhau, vào khoảng cuối tháng 8/2017 (bị cáo không nhớ rõ ngày) T đang ở nhà thì V đến chơi và rủ T đi mua đồ tại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau đó, cả hai bắt xe ôm đi đến tiệm V2 thuộc khu phố B, phường A, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương. Đến nơi V rủ T vào tiệm lấy trộm vàng với thủ đoạn giả vờ mua vàng rồi lợi dụng nhân viên bán vàng mất cảnh giác sẽ lén lút chiếm đoạt, đem bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý.

T và V đi vào tiệm V2 gặp nhân viên bán hàng là chị Nguyễn Thị T3. Để chị T3 không nghi ngờ và thuận tiện cho việc chiếm đoạt tài sản thì V và T giả vờ là người có tiền, cầm trên tay nhiều tiền, đeo nhiều vòng vàng trên tay và bỏ tiền ra mua tượng trưng vài món trang sức. Từ đó, nhân viên nghĩ đây là khách thật và tin tưởng đưa cả chùm dây chuyền vàng để T và vân lựa chọn (mỗi chùm có từ 20 đến 30 sợi dây chuyền bằng vàng 18K được đính chung bằng kim móc). Tiếp đó, T và V thay phiên nhau liên tục đánh lạc hướng chị T3 bằng cách lấy vàng ra đeo thử, trò chuyện hỏi giá cả, mặc cả, giả vờ mua vài sợi dây chuyền để kêu tính tiền, rồi khi chị T3 viết hóa đơn tính tiền thì các đối tượng lại yêu cầu mở tủ lấy sợi dây khác để xem hoặc lấy chùm dây khác... Lợi dụng lúc chị T3

không để ý thì các đối tượng lén lút dùng 01 tay bấm vào kim móc, tay còn lại tháo (tuốt) dây chuyền vàng trong chùm bỏ vào túi áo, túi quần để chiếm đoạt.

Sau khi tiếp xúc với chị T3 trong khoảng 30 phút, T và V chiếm đoạt được tổng cộng khoảng 7 – 8 sợi dây chuyền vàng 18K với tổng trọng lượng khoảng 1,5 lượng (mỗi sợi dây chuyền vàng có trọng lượng dao động từ 0,8 chỉ cho đến 2 chỉ vàng 18K, dạng dây xoắn, xích, dẹp hoặc cong, trên các sợi dây đều có khắc ký hiệu "K.C" hoặc "K*L*"). Tiếp đó, T và V trả lại các chùm dây chuyền vàng cho chị T3 rồi nhanh chóng rời khỏi tiệm vàng đón xe về lại Thành phố Hồ Chí Minh. Do chủ quan và tin tưởng nên chị T3 không kiểm đếm lại số vàng trong chùm mà cất vào tủ trưng bày.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản T và V đến tiệm V3 địa chỉ C Cánh M, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho Phạm Thị N với giá 20.050.000 đồng/lượng, được tổng số tiền là 30.000.000 đồng, V được chia số tiền 12.000.000 đồng, T được chia 18.000.000 đồng.

Vào khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 03/9/2017 T và V tiếp tục đón xe đến tiệm V2 gặp lại nhân viên bán hàng là chị Nguyễn Thị T3, sử dụng thủ đoạn tương tự như trên V và T chiếm đoạt được khoảng 08 sợi dây chuyền vàng 18K với tổng trọng lượng khoảng 1,95 lượng. Sau khi V và T rời khỏi tiệm vàng, do chủ quan nên chị T3 cũng không kiểm đếm lại số vàng trong chùm và cất vào tủ trưng bày.

Sau khi chiếm đoạt được vàng tại tiệm V2, T và V lại tiếp tục mang số vàng vừa chiếm đoạt được đến tiệm V3 bán cho bà Phạm Thị N với giá 2.050.000 đồng/chỉ được số tiền 40.000.000 đồng, V được chia 14.000.000 đồng, T được chia 26.000.000 đồng.

Đến ngày 04/9/2017, ông T2 chủ tiệm V2 kiểm đếm và xem lại camera thì phát hiện sự việc bị mất vàng nên báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thụ lý điều tra xác minh tin báo theo quy định.

Khoảng 17 giờ 30 ngày 26/9/2017, T và V tiếp tục nhờ Phi Quốc T4 điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu đỏ (không rõ biển số) chở V và T tiếp tục đi đến tiệm V2 để thực hiện việc chiếm đoạt vàng như các lần trước. Đến nơi, T4 đứng bên ngoài đợi còn T và V vào tiệm V2 mua hàng thì bị bảo vệ và nhân viên bán hàng phát hiện nghi vấn là người đã chiếm đoạt vàng ngày 03/9/2017 nên giữ được V giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D (nay là thành phố D), còn T bỏ chạy ra ngoài lên xe Phi Quốc T4 chạy thoát.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 15 sợi dây chuyền vàng 18K khắc chữ "KC" hoặc "K*L*" ở mặt phía sau móc khóa, có tổng trọng lượng 02 lượng 06 chỉ 02 phân 09 ly.

Kết luận định giá tài sản số 268/BB.ĐG ngày 13/10/2017 của Hội đồng định giá thị xã D, kết luận: 15 (mười lăm) sợi dây chuyền vàng 18K khắc chữ "KC" hoặc "K*L*" ở mặt phía sau móc khóa, có tổng trọng lượng 02 lượng 06 chỉ 02 phân 09 ly có trị giá 60.467.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKS-DA ngày 06 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Võ Thị T về Tội trộm cắp tài sản theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị T mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ và trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số: 175/2018/HS – ST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đối với Phi Quốc T4 có hành vi chở T và V đi đến tiệm V2 và chở T về nhà khi bị phát hiện nhưng không biết T và V đi thực hiện hành vi phạm tội nên không đủ chứng cứ xử lý T4.

- Đối với Phạm Thị N mua vàng của T và V chiếm đoạt, chưa đủ chứng cứ để xử lý N về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Ông Bùi Quang T2 là chồng của bà Nguyễn Thị Xuân H1 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng và dịch vụ cầm đồ Kim C đã nhận lại 15 (mười lăm) sợi dây chuyền và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên, không trình bày lời bào chữa cho hành vi phạm tội, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện hai lần hành vi trộm vàng lần thứ nhất vào cuối tháng 8 năm 2017 và lần thứ hai vào ngày 3/9/2017 tại tiệm V2 thuộc khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra đều thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định Võ Thị T đã lén lút lợi dụng sự sơ hở

của nhân viên bán hàng của tiệm V2 bị cáo và Nguyễn Thị Khánh V1 đã chiếm đoạt 15 (mười lăm) sợi dây chuyền vàng 18K khắc chữ "KC" hoặc "K*L*" ở mặt phía sau móc khóa, có tổng trọng lượng 02 lượng 06 chỉ 02 phân 09 ly có trị giá 60.467.000 đồng.

Hành vi bị cáo lén lút chiếm đoạt tài đang trong sự quản lý của chủ sở hữu có giá trị 60.467.000 đồng đã phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tộicắp tài sản theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 49/CT-VKS-DA ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Hình phạt chính: Xét bị cáo xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã có tiền án, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên, áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Vật chứng và trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số: 175/2018/HS – ST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, bản án

đã có hiệu lực pháp luật và bị hại trong vụ án cũng không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với Phạm Thị N mua vàng của bị cáo Võ Thị T và Phạm Thị Khánh V do hành vi N thực hiện đã quá 5 (năm) năm nên cơ Quan cảnh sát điều tra công an thành phố D không khởi tố vụ án Hình sự.

[9] Vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn không có sự phân công vai trò cụ thể trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên không coi là tội phạm có tổ chức. Bị cáo tham gia với vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 17, điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các Điều 331, 333, 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Thị T phạm Tội trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị T 3 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/8/2024.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Võ Thị T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo (01);
- VKSND TP Dĩ An (01);
- Công an TP Dĩ An (02);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS TP Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).